

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 1643017 - Tin học Kế toán

STC : 4(60,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Hữu Hoàng	Nam	3373000031	18/10/1991	,00	,00	,00	
2	Nguyễn Thị	Bê	3440000005	25/06/1991	7,00	6,00	6,50	
3	Hồ Thị Thanh	Hoa	3440000026	10/12/1992	,00	,00	,00	
4	Nguyễn Thanh	Huyền	3440000031	14/11/1993	,00	,00	,00	
5	Huỳnh Thị Giao	Linh	3440000037	03/04/1992	,00	,00	,00	
6	Lê Thoại	Mỹ	3440000040	09/11/1992	,00	,00	,00	
7	Trần Thị	Nhỏ	3440000044	07/08/1991	7,00	6,00	6,50	
8	Võ Văn	Phát	3440000047	19/11/1992	,00	,00	,00	
9	Lâm Ngọc	Phương	3440000051	09/01/1991	7,00	6,00	6,50	
10	Võ Thị Bích	Phượng	3440000052	02/12/1989	6,00	6,00	6,00	
11	Đoàn Thị Như	Quỳnh	3440000055	03/04/1991	8,00	8,00	8,00	
12	Nguyễn Thị Thu	Thủy	3440000064	29/03/1993	,00	,00	,00	
13	Phú Thị Ngọc	Anh	3542010300	02/06/1993	8,00	7,00	7,50	
14	Huỳnh Thị Thủy	Ngân	3542010301	20/10/1993	8,00	8,00	8,00	
15	Nguyễn Thị Thu	Ba	3542010311	06/08/1993	7,00	6,00	6,50	
16	Trần Thị Bích	Long	3542010319	21/03/1991	8,00	8,00	8,00	
17	Nguyễn Thị	Mụi	3542010321	10/02/1993	7,00	7,00	7,00	
18	Phạm Thị Bích	Thảo	3542010335	09/11/1992	7,00	6,00	6,50	
19	Lê Thanh	Nga	3542010336	23/04/1993	6,00	6,00	6,00	
20	Dương Thị	Hạnh	3542010338	22/04/1993	8,00	7,00	7,50	
21	Chế Thị Ngọc	Lai	3542010357	13/07/1992	,00	,00	,00	
22	Lê Quang	Đạo	3542010360	21/02/1991	,00	,00	,00	
23	Nguyễn Thị	Quỳnh	3542010368	14/10/1993	6,00	4,00	5,00	
24	Nguyễn Thị	Hoa	3542010373	12/04/1990	7,00	6,00	6,50	
25	Nguyễn Thị Thanh	Vân	3542010374	21/09/1993	,00	,00	,00	
26	Ngô Thị	Nga	3542010378	07/07/1993	7,00	5,00	6,00	
27	Nguyễn Thị Ni	Na	3542010398	17/02/1993	6,00	5,00	5,50	
28	Lê Thị Kim	Liên	3542010404	09/09/1993	9,00	9,00	9,00	
29	Phan Thị	Hương	3542010406	15/09/1993	,00	,00	,00	
30	Nguyễn Thị	Hoa	3542010426	12/10/1992	7,00	6,00	6,50	
31	Trịnh Thị	Nga	3542010429	13/03/1993	6,00	6,00	6,00	
32	Hồ Thị Thu	Hòa	3542010430	18/09/1992	6,00	4,00	5,00	
33	Đào Thị Thu	Na	3542010431	01/03/1993	7,00	6,00	6,50	
34	Trần Ngọc	Du	3542010436	27/04/1988	7,00	6,00	6,50	
35	Phạm Thị Phượng	Nhi	3542010437	23/11/1991	7,00	6,00	6,50	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Bùi Thị	Kiều	3542010439	25/12/1990	8,00	7,00	7,50	
37	Huỳnh Tú	Yến	3542010449	02/09/1993	9,00	9,00	9,00	
38	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	3542010451	14/09/1992	7,00	6,00	6,50	
39	Trần Minh	Tâm	3542010462	01/08/1993	,00	,00	,00	
40	Lữ Thị Kim	Đài	3542010467	1991	6,00	5,00	5,50	
41	Đỗ Thị	Ngân	3542010469	03/09/1992	,00	,00	,00	
42	Phạm Thị Kim	Nhân	3542010474	17/02/1993	7,00	6,00	6,50	
43	Nguyễn Văn	Hải	3542010506	10/05/1993	7,00	6,00	6,50	
44	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	3542010512	12/12/1993	6,00	6,00	6,00	
45	Trần Thị Kim	Huệ	3542010513	16/10/1993	,00	,00	,00	
46	Lê Thị	Hương	3542010514	13/12/1993	8,00	7,00	7,50	
47	Võ Thị Trúc	Đào	3542010582	09/01/1992	8,00	7,00	7,50	
48	Trần Thị Ánh	Tuyết	3542010610	26/09/1989	,00	,00	,00	
49	Hồ Thị Kim	Trang	3542010612	19/11/1990	,00	,00	,00	
50	Huỳnh Thị Ngọc	Sang	3542010652	04/02/1993	6,00	5,00	5,50	
51	Lê Thị Ái	Tim	3542010658	03/09/1992	7,00	7,00	7,00	
52	Đinh Thị Bích	Tuyền	3542010667	07/10/1993	6,00	6,00	6,00	
53	Ngô Thị Mỹ	Hằng	3542010669	12/04/1993	,00	,00	,00	
54	Nguyễn Thị Thu	Thảo	3542010670	06/09/1993	,00	,00	,00	
55	Nguyễn Thị Ánh	Liễu	3542010675	27/04/1992	7,00	6,00	6,50	
56	Trần Quốc	Tùng	3542010683	22/01/1990	7,00	5,00	6,00	
57	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	3542010692	18/08/1993	6,00	5,00	5,50	
58	Nguyễn Thị	Mến	3545030548	11/06/1992	6,00	6,00	6,00	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)